

Số: 617 /QĐ-ĐHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 65 tháng 5 năm 2021

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về mức tạm thu học phí các hệ đào tạo năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-BCN ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

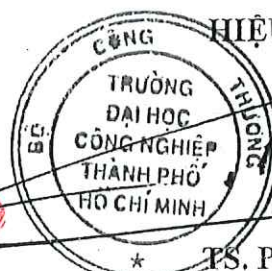
Điều 1. Quy định mức học phí đối với sinh viên các hệ đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2021-2022 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này được áp dụng trong năm học 2021-2022 và thay thế các văn bản quy định về mức thu học phí kinh phí đào tạo đã ban hành.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trường phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên đang theo học tại trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, TCKT



HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Hồng Hải



MỨC THU HỌC PHÍ CÁC HỆ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021-2022

Quyết định số 618 /QĐ-ĐHCN ngày 5 / 5 /2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Đvt: đồng

TT	* HỆ ĐÀO TẠO	Mức thu /tín chỉ	Mức thu 1 năm học
A	Đối với Cơ sở TP.HCM		
1	Nghiên cứu sinh		
1.1	Khóa tuyển sinh năm học 2021-2022		
	Khối Kinh tế	1.500.000	45.000.000
	Khối Công nghệ	1.500.000	45.000.000
1.2	Khóa tuyển sinh năm học 2020-2021		
	Khối Kinh tế	1.430.000	43.000.000
	Khối Công nghệ	1.500.000	45.000.000
1.3	Khóa tuyển sinh từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020	1.430.000	43.000.000
2	Cao học		
2.1	Khóa tuyển sinh năm học 2021-2022		
	Khối Kinh tế	1.100.000	33.000.000
	Khối Công nghệ	1.200.000	36.000.000
2.2	Khóa tuyển sinh năm học 2020-2021		
	Khối Kinh tế	1.067.000	32.000.000
	Khối Công nghệ	1.200.000	36.000.000
2.3	Khóa tuyển sinh từ năm học 2019-2020 trở về trước		
	Khối Kinh tế	1.067.000	32.000.000
	Khối Công nghệ	1.167.000	35.000.000
3	Đại học chính quy		
3.1	Khóa tuyển sinh năm học 2021-2022		
	Khối Kinh tế		20.500.000
	Môn lý thuyết	660.000	
	Môn thực hành	700.000	
	Khối Công nghệ		24.000.000
	Môn lý thuyết	660.000	
	Môn thực hành	1.040.000	
3.2	Khóa tuyển sinh năm học 2020-2021		
	Khối Kinh tế		20.500.000
	Môn lý thuyết	630.000	
	Môn thực hành	810.000	
	Khối Công nghệ		23.000.000
	Môn lý thuyết	630.000	
	Môn thực hành	1.000.000	
3.3	Khóa tuyển sinh năm học 2019-2020		
	Khối Kinh tế	600.000	19.800.000
	Khối Công nghệ	600.000	21.000.000

3.4	Khóa tuyển sinh năm học 2018-2019 trở về trước		
	Khối Kinh tế	590.000	19.470.000
	Khối Công nghệ	590.000	20.650.000
4	Đại học Chất lượng cao		
4.1	Khóa tuyển sinh năm học 2021-2022		
	Khối Kinh tế	1.000.000	34.000.000
	Khối Công nghệ	1.000.000	34.000.000
4.2	Khóa tuyển sinh năm học 2020-2021		
	Khối Kinh tế	900.000	29.700.000
	Khối Công nghệ	900.000	30.600.000
4.3	Khóa tuyển sinh năm học 2019-2020		
	Khối Kinh tế	850.000	28.050.000
	Khối Công nghệ	850.000	29.750.000
4.4	Khóa tuyển sinh năm học 2018-2019		
	Khối Kinh tế	830.000	27.390.000
	Khối Công nghệ	790.000	27.650.000
5	Cao đẳng		
	Khóa cũ		
	Khối Kinh tế	350.000	11.200.000
	Khối Công nghệ	390.000	12.480.000
6	Liên thông, văn bằng 2		
6.1	Đại học		
	Khóa tuyển sinh năm học 2021-2022	710.000	21.300.000
	Khóa cũ	710.000	21.300.000
6.2	Cao đẳng		
	Khóa cũ	350.000	11.200.000
7	Lớp liên kết 2+2 ASU		
	Khóa tuyển sinh năm học 2021-2022	750.000	25.000.000
	Khóa cũ	750.000	25.000.000
B Phân hiệu Quảng Ngãi, Cơ sở Thanh Hóa			
1	Đại học		
1.1	Khóa tuyển sinh năm học 2021-2022		
	Khối Kinh tế	250.000	8.250.000
	Khối Công nghệ	280.000	9.800.000
1.2	Khóa tuyển sinh năm học 2020-2021		
	Khối Kinh tế	250.000	8.250.000
	Khối Công nghệ	280.000	9.800.000
1.3	Khóa tuyển sinh năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020		
	Khối Kinh tế	250.000	8.250.000
	Khối Công nghệ	280.000	9.800.000
1.4	Khóa tuyển sinh từ năm học 2017-2018 trở về trước		

CÔNG
 TRU
 ĐẠI
 NG
 HÀNH
 CHỈ



	Khối Kinh tế	220.000	7.260.000
	Khối Công nghệ	250.000	8.750.000
2	Cao đẳng		
	<i>Khóa cũ</i>		
	Khối Kinh tế	180.000	5.760.000
	Khối Công nghệ	220.000	7.040.000
3	Liên thông, văn bằng 2		
	Đại học		
3.1	<i>Khóa tuyển sinh năm 2021-2022</i>	410.000	12.300.000
3.2	<i>Khóa cũ</i>	410.000	12.300.000

